



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN  
PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012  
ANNUAL REPORT



# NỘI DUNG

## Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

### 1. Tóm lược lịch sử hoạt động và phát triển của Công ty

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

1.2 Giới thiệu về Công ty và hệ thống các đơn vị thành viên

1.3 Thành tích nổi bật năm 2012

1.4 Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty

### 2. Tình hình hoạt động năm 2012

2.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2 Báo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh năm 2012

2.3 Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán

2.4 Báo cáo về tình hình tài chính

\* Bảng cân đối kế toán

\* Kết quả hoạt động kinh doanh

\* Bảng lưu chuyển tiền tệ

\* Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

### 3. Công tác phát triển thương hiệu và tham gia các hoạt động hướng đến cộng đồng

### 4. Tổ chức nhân sự

4.1 Cơ cấu lao động

4.2 Chính sách đối với người lao động

### 5. Định hướng phát triển

5.1 Định hướng sản xuất kinh doanh

5.2 Các biện pháp chủ yếu

### 6. Thông tin về Cổ đông/ thành viên góp vốn và Quản trị Công ty

6.1 Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2012

6.2 Cơ cấu cổ đông

6.3 Danh sách cổ đông lớn (sở hữu trên 5% vốn điều lệ)



## THƯ NGỎ

### Kính thưa Quý cổ đông

Khép lại năm 2012, trong bối cảnh chính trị kinh tế thế giới vẫn còn nhiều khó khăn: hệ thống tài chính toàn cầu bất ổn, tỷ giá tiền tệ, giá vàng, dầu hỏa biến động mạnh, khủng hoảng nợ công, bất ổn chính trị ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới. Kinh tế trong nước thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ điều hành chặt chẽ, thận trọng của Chính Phủ tuy đã đạt được một số điểm sáng là đã kiểm chế lạm phát, tỷ giá giữ được ổn định, lãi suất cũng được kéo giảm xuống nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như: sức cạnh tranh kém, sức mua giảm, đẩy hàng tồn kho tăng lên, nợ xấu tăng, lãi suất vẫn còn cao so với thị trường tiền tệ thế giới, cùng với sự đóng băng của thị trường bất động sản, sự ảm đạm của thị trường chứng khoán... Đây chính là những thách thức đối với các doanh nghiệp Việt Nam, mà nhiều doanh nghiệp đã phải lâm vào tình trạng phá sản hoặc giải thể.

Song trước những biến động khó khăn phức tạp nêu trên, Maseco vẫn đứng vững và phát triển vươn lên. Năm 2012, Hội đồng quản trị Công ty đã có những quyết định linh hoạt, thận trọng, cùng với toàn thể cán bộ công nhân viên đã không ngừng nỗ lực, nghiên cứu tìm tòi để đưa ra các giải pháp kịp thời, đặc biệt là các giải pháp tài chính và chiến lược cạnh tranh phù hợp, từ đó góp phần đảm bảo an toàn tài chính cũng như tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh để đạt được kết quả năm 2012 đầy phấn khởi với mức lợi nhuận trước thuế đạt 131% so với kế hoạch, tăng 10% so với năm 2011.

Trong năm 2013, với tầm nhìn, sứ mệnh là duy trì phát triển những giá trị cốt lõi đã đạt được trong những năm qua, Maseco không chủ quan mà luôn bám sát, nghiên cứu từng biến động của nền kinh tế, từ chính sách vĩ mô có liên quan tới hoạt động kinh doanh của công ty để có những giải pháp đổi mới kịp thời, nhằm nắm bắt kịp thời các cơ hội, cũng như hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra đối với công ty. Đây là nhiệm vụ rất khó khăn cho Hội đồng quản trị, vừa đảm bảo phát triển bền vững vừa gặt hái được những hiệu quả kinh doanh tốt nhất cho doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa các nghĩa vụ thuế cho nhà nước, lợi ích của cổ đông và thu nhập cho người lao động. Trong một môi trường kinh tế được dự báo còn diễn biến phức tạp, khó khăn, đầy biến động, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tập thể cán bộ công nhân viên sẽ cố gắng nỗ lực, sáng tạo hơn nữa trong năm 2013 và những năm tiếp theo để phát triển công ty ổn định, bền vững.

Hội đồng quản trị công ty xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, người lao động đã đồng hành, chia sẻ, tin tưởng, động viên trong suốt thời gian qua. Đây chính là động lực để Hội đồng quản trị tiếp tục phát huy vai trò quản trị trung tâm để kết nối cổ đông, cán bộ công nhân viên, Ban điều hành công ty cùng sát cánh bên nhau để hoàn thành cao nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013 mà Đại hội đồng cổ đông giao cho công ty.

TM. Hội đồng quản trị

Nguyễn Xuân Hàn - Chủ tịch



## Chiến lược phát triển của công ty MASECO dựa trên nền tảng ba trụ cột chính TÂM NHÌN - GIA TRỊ CỐT LÔI - SỨ MỆNH

Đây chính là “Kim chỉ nam” định hướng cho mọi hoạt động



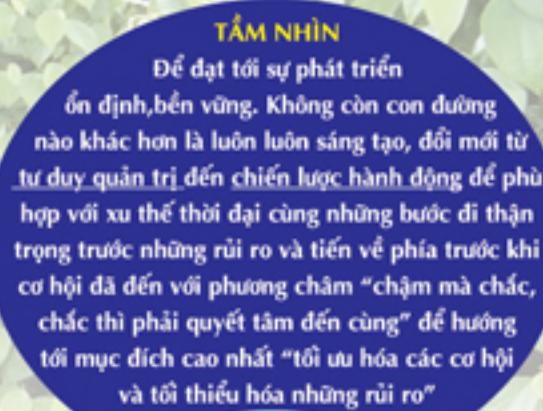
### Huân chương lao động hạng III Năm 2004

#### GIÁ TRỊ CỐT LÔI

Là hiệu quả sử dụng các nguồn lực (vật lực, tài lực, trí lực của con người - nhân tố quyết định), từ đó tạo ra giá trị thặng dư cho cổ đông, đảm bảo công ăn việc làm góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, chia sẻ với cộng đồng, quan hệ, uy tín với khách hàng, đúng mục, thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với nhà nước..

Là niềm tin được xây dựng trên nền tảng thế “kiềng ba chân”:

- Cổ đông là chủ sở hữu, cung cấp vốn cho Ban điều hành để mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh của công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc sử dụng có hiệu quả đồng vốn của cổ đông giao phó.
- Người lao động sản xuất ra nhiều sản phẩm, hàng hóa dịch vụ góp phần phát triển công ty ổn định, bền vững => Ba chủ thể quản trị công ty luôn luôn chia sẻ, ủng hộ, động viên nhau trong khó khăn cũng như thuận lợi để đưa công ty MASECO phát triển ổn định bền vững.



### Huân chương lao động hạng II Năm 2009

#### SỨ MỆNH

- \* **M-Management => Mô hình quản trị khoa học phù hợp với xu thế của thời đại.** Các chủ thể tham gia quản trị công ty từ cổ đông, HĐQT, BKS, BTGD, người lao động đều hướng đến giá trị cao nhất là lợi nhuận, cổ tức, phúc lợi cho người lao động.
- \* **A-Aspiration => Tất cả các chủ thể quản trị công ty khát vọng, niềm đam mê, lòng nhiệt huyết** trong quá trình xây dựng và phát triển công ty.
- \* **S-(Sustainability-Safety-Society) => Sự an toàn, bền vững, hướng tới xã hội, cộng đồng, cùng chia sẻ khó khăn đầy tính nhân văn.**
- \* **E - Economic => Những giá trị kinh tế là thành quả sau quá trình lao động hăng say, sáng tạo, dựa trên nền tảng mô hình quản trị khoa học**
- \* **C-(Community - Culture) => Chia sẻ, cảm thông với những khó khăn của cộng đồng là bản sắc văn hóa MASECO.**
- \* **O-Organization => Bên cạnh sức mạnh nội tại, còn có nguồn lực của các cơ quan, tổ chức bên ngoài luôn đồng hành, tin tưởng, giúp đỡ, hỗ trợ công ty MASECO trên con đường xây dựng và phát triển.**



## Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Vật tư Dịch vụ & Du lịch Phú Nhuận (Doanh nghiệp nhà nước) thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 02/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Tại thời điểm thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận vào tháng 10 năm 2001, vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, trong đó cổ đông là Nhà nước nắm giữ 25% tổng vốn điều lệ.

Tháng 10/2004, cổ đông là Nhà nước đã chuyển nhượng hết số cổ phần của mình cho các cổ đông hiện hữu còn lại của Công ty theo công văn số 2179/UB-CNN của Ủy ban Nhân dân TP.HCM.

Là doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực: thương mại, xuất nhập khẩu, sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử, dịch vụ, khách sạn nhà hàng và kinh doanh bất động sản.

Hoạt động kinh doanh của công ty trong nhiều năm qua đã có bước tăng trưởng và phát triển đáng kể, cả về doanh thu, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập đời sống cán bộ công nhân lao động và đóng góp cho phúc lợi xã hội. Tổng doanh thu bình quân mỗi năm thực hiện trên 900 tỷ đồng, trong đó công ty duy trì kim ngạch xuất khẩu mỗi năm trên 20 triệu USD; nộp ngân sách nhà nước trên 60 tỷ đồng mỗi năm.

Để đạt được những thành quả đó, công ty xác định hướng đi đúng đắn phù hợp với thực tế, kiên trì xây dựng từng ngành hàng kinh doanh, đội ngũ cán bộ công nhân lao động luôn năng động, sáng tạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm, có ý thức kỷ luật và giữ vững đoàn kết, gắn bó.

Đến nay, Công ty cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận đã có 03 đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ là:

- Phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu năm 2007: Tổng số phát hành 10 tỷ đồng (tương đương 1.000.000 cổ phần).
- Phát hành cổ phiếu thường năm 2008: Tổng số phát hành 30 tỷ đồng (tương đương 3.000.000 cổ phần).
- Trong năm 2010, công ty đã phát hành 9.000.000 cổ phần, tương đương 90 tỷ đồng (tính theo mệnh giá) cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và các đối tác chiến lược.
- Trong năm 2011, vốn điều lệ của công ty là 150 tỷ đồng

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán, đến ngày 31/12/2012, vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng (tương đương 15.000.000 cổ phần).





**TOP 500 DOANH NGHIỆP TỰ NHÂN  
LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2012**



**TOP 500 DOANH NGHIỆP  
TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM  
NĂM 2012**



**TOP 1000 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ  
DN LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2012**





## GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY VÀ HỆ THỐNG CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận được thành lập trên cơ sở Quyết định số 971/QĐ-TTg, ngày 02/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty Vật tư Dịch vụ & Du lịch Phú Nhuận thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận.

Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN**

Tên tiếng Anh: **PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

Tên giao dịch viết tắt: **MASECO**

Biểu tượng công ty:



Vốn điều lệ : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)

Trụ sở chính : 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại : (84-8) 3844 4861 Fax: (84-8) 3844 3264

Website : [www.maseco.com.vn](http://www.maseco.com.vn)

Email : [maseco@maseco.com.vn](mailto:maseco@maseco.com.vn)

### ● CÁC CHI NHÁNH:

#### • Chi Nhánh Trung tâm Dịch vụ Điện tử:

Địa chỉ: 131 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 3.9975564 Fax: (84-8) 3.990 3528

Hệ thống các Showroom - Nhà máy sản xuất

#### Showroom giới thiệu và bảo hành sản phẩm số 1:

Địa chỉ: 16 Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận, TP HCM

Điện thoại: (84-8) 3.9903115 Fax: (84-8) 3.8452827

#### Showroom giới thiệu và bảo hành sản phẩm số 2:

Địa chỉ : 07 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP HCM.

Điện thoại: (84-8) 3.8441390

#### Showroom giới thiệu và bảo hành sản phẩm số 3:

Địa chỉ : 69 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận, TP HCM.

Điện thoại: (84-8) 3.8441629

#### Dịch vụ đa phương tiện (Multi - Media):

Địa chỉ : 131 Trần Huy Liệu, phường 8, quận Phú Nhuận, TP HCM.

Điện thoại (84-8) 3.9975564 Fax: (84-8) 3.990 3528





### Nhà máy sản xuất điện tử số :

Địa chỉ: 07 Hoàng Minh Giám, phường 9, quận Phú Nhuận, TP HCM.

Điện thoại: (84-8) 3.8440159 Fax: (84-8) 3.9973652

- **Chi nhánh Hiệp Phước:**

Địa chỉ: Lô A 10a đường số 1 KCN Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP HCM.

Điện thoại: (84-8) 37800993

- **Chi Nhánh Gia Lai:**

Địa chỉ: 1028 Hùng Vương thị trấn Chư Sê tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-59) 3.851473 Fax: (84-59) 3.851493

Sản xuất chế biến các loại nông sản xuất khẩu: cà phê nhân, hổ tiêu ...

- **Chi nhánh Đà Nẵng:**

Địa chỉ: 206 Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3645588 Fax: (84-511) 3645566

Kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử Arirang

- **CÔNG TY CON:**

### Công ty TNHH MTV khách sạn Hoa Mai Vàng :

Địa chỉ: 75 Hoàng Văn Thụ, phường 15, quận Phú Nhuận

Điện thoại: (84-8) 3.8445599 Fax: (84-8) 3.8442847

Vốn điều lệ: 2.600.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: dịch vụ khách sạn, nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị, dịch vụ giải trí Karaoke.

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 100% vốn điều lệ.

- **CÁC ĐƠN VỊ GÓP VỐN:**

### Công ty TNHH Công nghệ Điện tử Phương Đông

Địa chỉ : A12 Phan Văn Trị, phường 7, quận Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 35 888 040

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm điện và điện tử

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 30% vốn điều lệ.

### Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang

Địa chỉ : 93 Tô Hiệu, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3.7736914

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Mua bán các sản phẩm điện và điện tử

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 60% vốn điều lệ.

### Công ty Cổ phần Dịch vụ và xúc tiến thương mại Hiệp hội doanh nghiệp TP.HCM.

Địa chỉ : 521 - 523 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 256 621 Fax: (84-8) 38 256 039

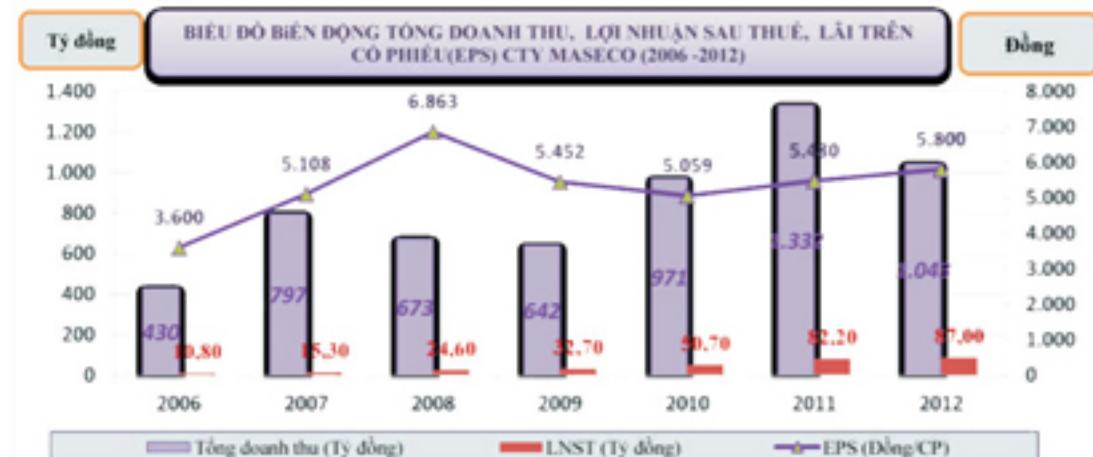
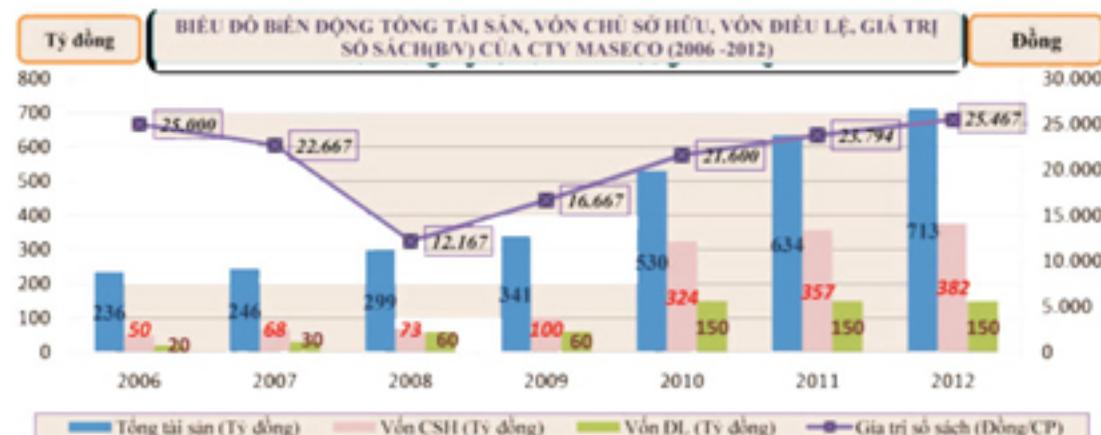
Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Quảng cáo thương mại, Tổ chức hội chợ triển lãm, quảng cáo trưng bày, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo trên truyền hình và internet, đào tạo, liên kết đào tạo cho các doanh nghiệp, tư vấn về quản trị.

Tỷ lệ vốn góp của MASECO: 16,8% vốn điều lệ.

# THÀNH TÍCH NỔI BẬT

- UBND thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua đơn vị xuất sắc khôi doanh nghiệp, công nhận là tập thể lao động xuất sắc và đề nghị thủ tướng chính phủ tặng bằng khen.
- UBND thành phố Hồ Chí Minh tặng 02 bằng khen về các thành tích hoạt động xã hội từ thiện và tham gia cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.
- Tiếp tục đạt danh hiệu “Top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam” do chương trình VR 500 báo VietNamnet bình chọn, “top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” và “top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất năm 2012” do VietNam Report công bố.
- Chi bộ được công nhận “cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh” nhiều năm liền.
- Công đoàn cơ sở được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc, Chi đoàn thanh niên được Trung ương Đoàn tặng bằng khen.
- Một cá nhân (Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng) nhận Huân chương lao động hạng 3, Tổng giám đốc công ty được bình chọn là “Doanh nhân TP Hồ Chí Minh tiêu biểu”, và 19 cá nhân được công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp thành phố và cơ sở.







## ÔNG NGUYỄN XUÂN HÂN

Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc  
Ngày tháng năm sinh: 11.08.1957  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



## ÔNG ĐỖ HƯỚNG DƯƠNG

Phó Chủ tịch thường trực HĐQT  
Phó Tổng giám đốc  
Ngày tháng năm sinh: 27.02.1958  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



## BÀ TRƯƠNG THỊ THANH TÂM

Phó Chủ tịch HĐQT  
Ngày tháng năm sinh: 15.08.1947  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Trung cấp





### ÔNG TRỊNH NGỌC MINH

Thành viên HĐQT  
Phó Tổng giám đốc  
Ngày tháng năm sinh: 24.09.1962  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



### ÔNG LÊ THIỆN HƯNG

Thành viên HĐQT  
Giám đốc TT.Dịch vụ điện tử  
Ngày tháng năm sinh: 05.08.1969  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



### ÔNG NGUYỄN TẤN PHI KHANH

Thành viên HĐQT  
Trưởng phòng Hành chính nhân sự  
Ngày tháng năm sinh: 02.05.1967  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



### BÀ TRẦN THỊ LỤA

Thành viên HĐQT  
Trưởng phòng Tài chính kế hoạch  
Ngày tháng năm sinh: 08.08.1966  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học

## • BAN KIỂM SOÁT

### TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



**BÀ NGUYỄN THỊ THANH TÙNG**

Ngày tháng năm sinh: 19.10.1964

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học





## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



### ÔNG NGUYỄN VIỆT TRUNG

Ngày tháng năm sinh: 13.07.1971  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ



### ÔNG ĐẶNG VĂN TUẤN

Ngày tháng năm sinh: 20.01.1957  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học

2012

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## • BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### • TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG NGUYỄN XUÂN HÂN**

Ngày tháng năm sinh: 11.08.1957

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học



## PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



**ÔNG ĐỖ HƯỚNG DƯƠNG**

Ngày tháng năm sinh: 27.02.1958  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



**ÔNG TRỊNH NGỌC MINH**

Ngày tháng năm sinh: 24.09.1962  
Trình độ văn hóa: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học



## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ
- SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH NÔNG SẢN XUẤT KHẨU
- KINH DOANH DỊCH VỤ KHÁCH SẠN - NHÀ HÀNG
- DỊCH VỤ ĐẦU TƯ & KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

## HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

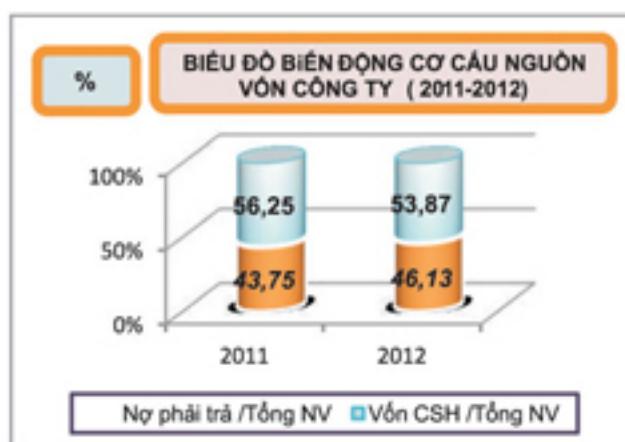
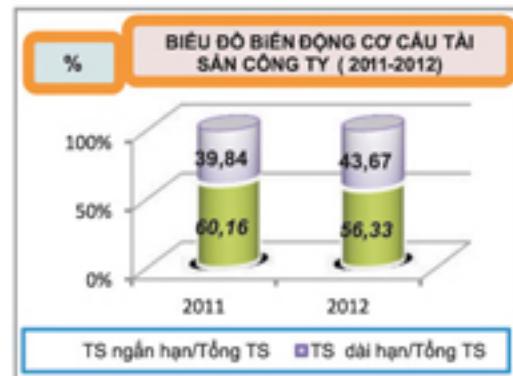
- Công ty tập trung đẩy mạnh sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử, tiếp tục đầu tư phát triển sản phẩm công nghệ mới, kỹ thuật cao thích hợp với nhu cầu của người tiêu dùng ở nhiều phân khúc thị trường khác nhau, đẩy mạnh hoạt động quảng cáo tiếp thị phát huy thế mạnh thương hiệu sản phẩm Arirang, thực lực của công ty Maseco tạo niềm tin ngày càng vững chắc đối với hệ thống phân phối và người tiêu dùng. Công ty cũng thường xuyên củng cố, phát triển hệ thống phân phối bảo hành sản phẩm trên cả nước, mở thêm Showroom giới thiệu sản phẩm và bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài. Hoạt động xây dựng thương hiệu được thực hiện liên tục bằng các hình thức cụ thể như: tham gia chuỗi hội chợ "Hàng Việt Nam chất lượng cao", tài trợ các cuộc thi Karaoke của các ngành, các địa phương, tham gia cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", đưa "hàng Việt về nông thôn", tài trợ các hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng nông thôn mới... đã có nhiều kết quả tốt, được người tiêu dùng bình chọn là "Thương hiệu nổi tiếng" và "Hàng Việt Nam chất lượng cao". Để tăng thêm tính chủ động trong việc phát triển thị trường phía bắc, từ tháng 7/2012 chi nhánh Hà Nội đã chuyển đổi thành Công ty TNHH thương mại - điện tử Arirang gồm 3 thành viên trong đó công ty giữ tỷ lệ 60% vốn.
- Lĩnh vực thu mua, chế biến xuất khẩu nông sản trong năm qua tiếp tục gặp khó khăn: giá xuất khẩu luôn thấp hơn giá thu mua trong nước, lãi suất vay vốn vẫn ở mức cao nên việc cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài có tiềm lực tài chính mạnh luôn gặp khó khăn, hiệu quả không cao. Mặt khác trong năm qua nhiều doanh nghiệp cung ứng nông sản bị vỡ nợ càng làm tăng thêm mức độ rủi ro trong kinh doanh. Công ty duy trì xuất khẩu hai mặt hàng chính là Cà phê nhân và Hồ tiêu với phương châm an toàn, đảm bảo nguồn ngoại tệ để nhập khẩu và duy trì mối liên hệ với thị trường. Năm 2012 công ty xuất khẩu trên 1324 tấn hồ tiêu, trên 3.800 tấn cà phê nhân, kim ngạch đạt trên 16 triệu USD giảm 43% so với năm 2011. Sản phẩm tiêu gia vị tiếp tục phát triển tốt, đảm bảo quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO và HACCP. Năm qua công ty đầu tư thêm dây chuyền đóng gói để có thêm sản phẩm theo yêu cầu của xã hội.
- Hoạt động kinh doanh dịch vụ có bước phát triển tốt, đã hoàn tất thi công cao ốc văn phòng MASECO số 149-151 Nguyễn Văn Trỗi đưa vào khai thác từ tháng 10/2012 với doanh thu ổn định mỗi năm trên 16 tỷ đồng. Tòa nhà văn phòng 131 Trần Huy Liệu công suất sử dụng trên 70%, doanh thu dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng được duy trì ổn định. Khách sạn nhà hàng Hoa Mai đã được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên tuy có nhiều cố gắng duy trì hoạt động nhưng do tình hình khó khăn chung và cơ sở vật chất đã xuống cấp nên hiệu quả thấp hơn so với các năm trước. Công ty tiếp tục nghiên cứu cung cấp và tìm phương án hoạt động có hiệu quả cao hơn.

# Chỉ số tài chính cơ bản



## Tài chính

Financial

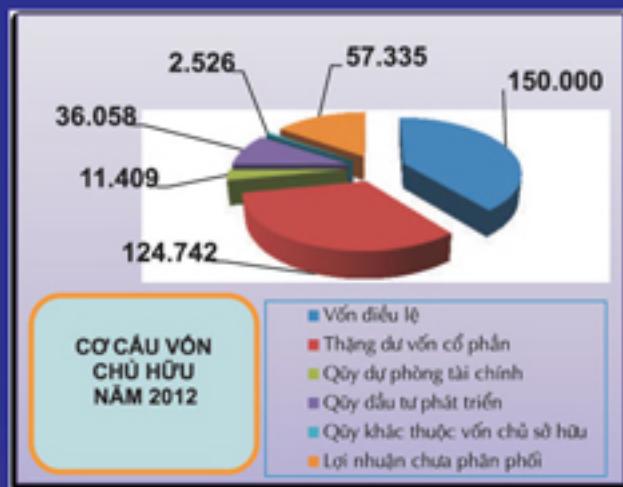


## Nguồn vốn Funding

### Vốn và tài chính:

Vốn chủ sở hữu của công ty tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Tổng số: 382.070.394.695 đ



### Những thay đổi về vốn cổ đông:

Trong năm 2012, có 255.683 cổ phần được giao dịch.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012: 25.471 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu thường đã phát hành tới 31/12/2012: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu thường đang lưu hành đến 31/12/2012: 15.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ : không có

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**131,8%**



**30%**

**Cổ tức**

**Lợi nhuận**

**Dividend**

**Profit**

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
- Tổng doanh thu	1.300 tỷ	1.043 tỷ	80.2%
Trong đó			
- Kim ngạch xuất khẩu (USD):	20 triệu	16.2 triệu	81%
- Lợi nhuận trước thuế:	80 tỷ	105,5 tỷ	131.8%
- Chia cổ tức thấp nhất:	25%	30%	120%
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		5.800 đ	



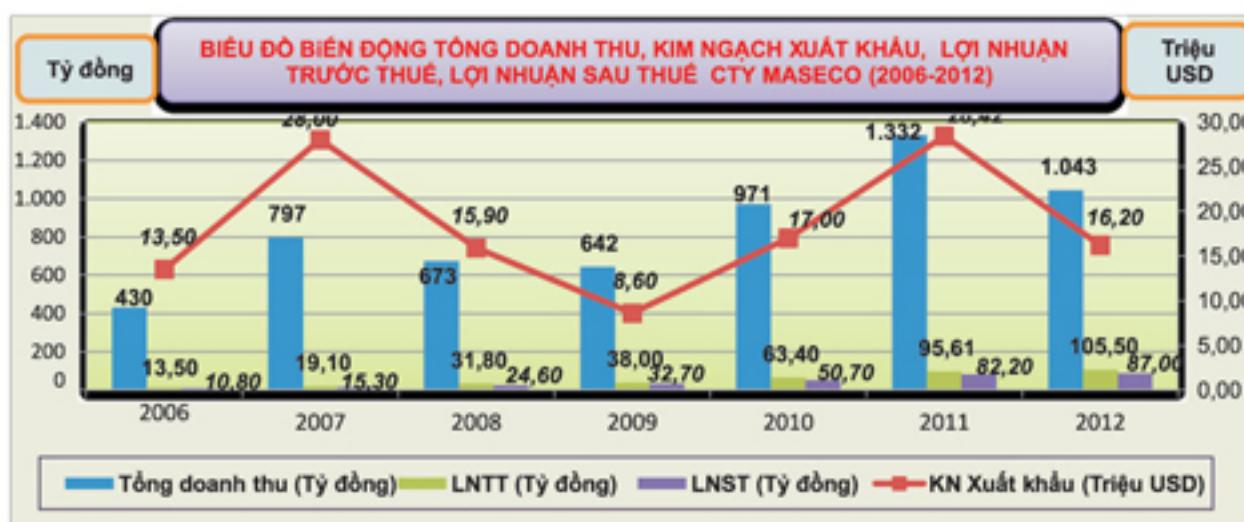
- TỔNG DOANH THU NĂM 2012:** đạt 80,2% kế hoạch, do công ty chủ động giảm doanh thu xuất khẩu nông sản để tránh rủi ro, bảo toàn hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh khác. Doanh thu kinh doanh sản phẩm điện tử được duy trì ổn định.
- LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ:** đạt 131,8% so với kế hoạch, tăng 10 % so với năm 2011 do công ty duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng điện tử, tăng thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng, sử dụng tốt các nguồn vốn, giảm lãi vay, giảm chênh lệch tỷ giá.
- CHIA CỔ TỨC:** Nghị quyết đại hội năm 2012 dự kiến chia cổ tức là 25%, căn cứ kết quả kinh doanh, lợi nhuận thực hiện vượt mức kế hoạch, Hội đồng quản trị đề xuất mức chia cổ tức năm 2012 là 30% đạt 120% so với kế hoạch.

### ● VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN:

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản của công ty trong năm qua chủ yếu là tập trung hoàn thiện các dự án đang thực hiện như:

- Cao ốc văn phòng Maseco tại số 149-151 Nguyễn Văn Trỗi với quy mô 01 tầng trệt, 11 tầng lầu và 02 tầng hầm để xe, diện tích kinh doanh là 4.242 m<sup>2</sup> đã hoàn tất thi công, hoàn thiện các thủ tục kiểm định chất lượng đưa vào khai thác từ tháng 11/2012 với phương thức cho thuê trọn gói thời hạn 5 năm.
- Đã hoàn tất thi công nhà máy điện tử Hiệp Phước 1 tại khu công nghiệp Hiệp Phước huyện Nhà Bè, diện tích xây dựng trên 12.000 m<sup>2</sup>. Công ty cũng đang tập trung điều chỉnh thi công nhà máy Hiệp Phước 2 để đảm bảo an toàn trong thiết kế và thi công.

Trong tình hình thị trường giảm sút, lãi suất tiền vay cao công ty đã tạm dừng triển khai các dự án để nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường trước mắt và lâu dài.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Xuân Hàn  
Ông Đỗ Hướng Dương  
Ông Trịnh Ngọc Minh  
Bà Trần Thị Lụa

Tổng giám đốc - Người đại diện pháp luật  
Phó Tổng giám đốc  
Phó Tổng giám đốc  
Kế toán trưởng

**Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

## Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2013

### Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Xuân Hàn - Chủ tịch





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM  
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281  
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0612421/AISC-DNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾ THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.  
Công ty cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 25 tháng 01 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN từ trang 04 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cẩn thiết, các bảng chứng minh những thông tin trong các báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2013

KIỂM TOÁN VIÊN

TRẦN NGỌC HÙNG

Số chứng chỉ KTV: 1084/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



PHẠM THỊ HỒNG UYÊN

Số chứng chỉ KTV: 0794/KTV  
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGÀN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>401,846,790,899</b>	<b>381,692,161,545</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	87,357,585,439	162,267,742,009
1. Tiền	111		32,357,585,439	12,267,742,009
2. Các khoản tương đương tiền	112		55,000,000,000	150,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73,128,814,421	92,313,179,358
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	24,557,212,108	44,342,652,904
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	43,650,566,364	57,915,719,645
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiền độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	4,921,035,949	1,233,700,207
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05		(11,178,893,398)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	213,165,561,567	116,628,588,791
1. Hàng tồn kho	141		232,880,561,567	129,486,088,461
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19,715,000,000)	(12,857,499,670)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28,194,829,472	10,482,651,387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		459,704,993	1,766,191,171
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27,371,936,143	6,391,877,019
3. Thuê và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.07	131,142,212	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	232,046,124	2,324,583,197



**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>311,588,208,966</b>	<b>252,805,836,510</b>
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		<b>219,411,413,494</b>	<b>234,197,137,761</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	71,298,333,379	50,375,459,671
-	Nguyên giá	222		91,033,451,148	67,906,852,373
-	Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(19,735,117,769)	(17,531,392,702)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	Nguyên giá	225		-	-
-	Giá trị hao mòn luỹ kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	83,918,356,513	83,918,356,513
-	Nguyên giá	228		83,918,356,513	83,918,356,513
-	Giá trị hao mòn luỹ kế	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	64,194,723,602	99,903,321,577
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.13	<b>71,758,333,403</b>	-
-	Nguyên giá	241		73,000,000,000	-
-	Giá trị hao mòn luỹ kế	242		(1,241,666,597)	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.14	<b>8,784,963,320</b>	<b>6,867,200,000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,836,057,820	1,500,000,000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		5,948,905,500	5,367,200,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260	V.15	<b>11,633,498,749</b>	<b>11,741,498,749</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		11,561,498,749	11,681,498,749
2.	Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	263	V.09	72,000,000	60,000,000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>713,434,999,865</b>	<b>634,497,998,055</b>

2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>329,123,778,621</b>	<b>277,585,727,886</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		286,487,137,726	212,006,733,415
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	197,424,276,696	138,833,058,976
2. Phải trả cho người bán	312	V.17	4,480,500,912	12,485,189,460
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	74,253,549	372,112,235
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	18,431,184,380	12,747,958,438
5. Phải trả người lao động	315		22,795,209,516	22,702,953,522
6. Chi phí phải trả	316	V.20	24,945,358,089	12,733,801,571
7. Phải trả nội bộ	317		-	2,525,795
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	250,141,867	333,348,166
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		18,086,212,717	11,795,785,252
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		42,636,640,895	65,578,994,471
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		5,233,300,000	1,021,300,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	37,403,340,895	63,750,122,505
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	807,571,966
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>382,070,394,695</b>	<b>356,912,270,169</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	382,070,394,695	356,912,270,169
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124,742,000,000	124,742,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		36,057,672,440	20,168,625,245
8. Quỹ dự phòng tái định	418		11,409,319,144	7,609,319,144
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,526,353,100	2,196,702,100
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		57,335,050,011	52,195,623,680
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỆU SỐ	439		2,240,826,549	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		713,434,999,865	634,497,998,055

# BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-	-
4. Nợ kho đã xử lý	46,268,909,901	46,268,909,901	
5. Ngoại tệ các loại	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-	-

Kế toán trưởng

Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2013  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hàn

2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Mẫu số B 02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHI TIẾU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.24	1.043.673.040,174	1.331.795.997.772
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V1.25	77.482.007	28.795.436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V1.26	1.043.595.558,167	1.331.767.202.336
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.27	867.038.697,176	1.134.191.401.789
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>176.556.860,991</b>	<b>197.575.800.547</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.28	14.809.041,194	8.131.652.169
7. Chi phí tài chính	22	V1.29	21.927.984.890	26.588.194.987
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>20.775.558.276</i>	<i>12.788.129.202</i>
8. Chi phí bán hàng	24		37.869.694.564	36.351.541.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		33.424.524.168	47.606.334.638
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>98.143.698.563</b>	<b>95.161.381.491</b>
11. Thu nhập khác	31	V1.30	6.803.016,780	788.285.211
12. Chi phí khác	32	V1.31	358.288.565	338.145.996
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>6.444.728.215</b>	<b>450.139.215</b>
<b>14. Lợi nhuận trong Công ty liên kết/ liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>1.007.205.093</b>	
<b>15. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>105.595.631.871</b>	<b>95.611.520.706</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.32	18.348.608.038	13.415.897.026
17. Chi phí thuế TNDN hoàn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>87.247.023.833</b>	<b>82.195.623.680</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	V1.33	240.826.549	
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		87.006.197.284	82.195.623.680
<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V1.34</b>	<b>5.800</b>	<b>5.480</b>

Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Thị Lý



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hân



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	1,759,172,789,878	1,431,811,594,145
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(1,780,061,408,755)	(810,051,528,561)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(39,591,945,682)	(32,121,690,269)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(20,775,558,276)	(18,350,623,044)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(11,695,849,391)	(8,089,770,363)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	153,013,110,246	862,718,167,636
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(128,731,317,154)	(815,383,464,260)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>	<b>(68,670,179,134)</b>	<b>610,532,685,284</b>
<b>II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(611,950,001)	(8,130,363,637)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	12,272,727	428,200,000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(6,781,829,089)	-
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26	-	100,000,000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	14,706,497,202	1,600,506,325
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7,324,990,839</b>	<b>(6,001,657,312)</b>
<b>III. LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	5,257,923,589	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	548,999,736,748	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(516,822,628,612)	(454,348,530,911)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(51,000,000,000)	(42,718,551,962)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(13,564,968,275)</b>	<b>(497,067,082,873)</b>

2012

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**CHỈ TIẾU**

Mã số Năm 2012 Năm 2011

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( $50 = 20+30+40$ )	50	(74,910,156,570)	107,463,945,099
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	162,267,742,009	54,803,796,910
Anh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( $70 = 50+60+61$ )	70	87,357,585,439	162,267,742,009

Kế toán trưởng

Trần Thị Lụa

Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hân



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ

3. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Trong năm Công ty có chuyển đổi Chi nhánh Hà Nội trực thuộc Công ty thành Công ty con do Công ty nắm giữ 60% vốn góp và chuyển đổi Khách sạn Hoa Mai trực thuộc Công ty thành Công ty con (Công ty TNHH Một thành viên) do Công ty nắm giữ 100% vốn góp.

4. Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2012: 178 người

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty Mẹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Niên độ kế toán đầu tiên Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng từ ngày 01 tháng 08 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 và Công ty TNHH TM ĐT Arirang từ ngày 01 tháng 07 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính" và chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào Công ty con".

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký Sổ Cái

### 4. Cơ sở hợp nhất:

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.

**Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm:** Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** thực tế đích danh

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

**4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

*Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 25 năm
*Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
*Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
*Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:** được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:** được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác:** Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

## Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

## 8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

**Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm:** Chi phí chờ phân bổ của công cụ dụng cụ và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

**Chi phí phải trả:** được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả về bao hành các sản phẩm điện tử mà Công ty đã bán ra thị trường, chi phí tài trợ đội bóng Maseco.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

### Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

### Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

#### + Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

#### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi tỷ giá hối đoái.

#### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính như chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

#### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

#### 14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Dánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối năm tài chính

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2012: 20.828 VND/USD.

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ, và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tiền	32,357,585,439	12,267,742,009
Tiền mặt	834,566,280	2,728,452,658
Tiền gửi ngân hàng	31,523,019,159	9,539,289,351
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>55,000,000,000</b>	<b>150,000,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	55,000,000,000	150,000,000,000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>87,357,585,439</b>	<b>162,267,742,009</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Khách hàng trong nước	21,730,847,717	39,331,548,993
Khách hàng nước ngoài	2,826,364,391	5,011,103,911
<b>Cộng</b>	<b>24,557,212,108</b>	<b>44,342,652,904</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Nhà cung cấp trong nước	37,930,156,164	44,160,679,337
Nhà cung cấp nước ngoài	5,720,410,200	13,755,040,308
<b>Cộng</b>	<b>43,650,566,364</b>	<b>57,915,719,645</b>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Phải thu công đoàn công ty	3,867,200,000	-
Văn phòng Công ty	114,359,000	366,248,744
Chi nhánh Gia Lai	150,235,414	150,235,414
Phải thu khác	789,241,535	-
<b>Cộng</b>	<b>4,921,035,949</b>	<b>1,233,700,207</b>
<b>5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Số dư đầu năm	11,178,893,398	32,299,411,825
Số dự phòng trong năm	-	11,178,893,398
Hoàn nhập	11,178,893,398	32,299,411,825
Số dư cuối năm	-	<b>11,178,893,398</b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Hàng mua đang đi đường	474,818,200	3,202,400,000
Nguyên liệu, vật liệu	97,861,949,979	68,984,069,711
Công cụ, dụng cụ	841,409,309	1,170,990,881
Thành phẩm	8,221,779,059	235,965,192
Hàng hoá	115,641,603,420	55,892,662,677
Hàng gửi đi bán	9,839,001,600	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>232,880,561,567</b>	<b>129,486,088,461</b>
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19,715,000,000)	(12,857,499,670)
<b>Cộng giá trị thuần hàng tồn kho</b>	<b>213,165,561,567</b>	<b>116,628,588,791</b>
<b>7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Các khoản thuế khác phải thu Nhà nước	131,142,212	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1,479,310	-
Các loại thuế khác	129,662,902	-
<b>Cộng</b>	<b>131,142,212</b>	-
<b>8. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Tạm ứng	232,046,124	1,399,583,197
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	925,000,000
<b>Cộng</b>	<b>232,046,124</b>	<b>2,324,583,197</b>
<b>9. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	72,000,000	60,000,000
<b>Cộng</b>	<b>72,000,000</b>	<b>60,000,000</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	50,661,833,403	8,974,740,756	-	8,270,278,214	67,906,852,373
Mua trong năm	-	344,245,001	105,600,000	162,105,000	611,950,001
ĐT XDCB h.thành	-	24,834,000,000	-	-	24,834,000,000
Tăng khác	2,072,532,183	211,615,801	-	-	2,284,147,984
Chuyển sang BDS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	229,941,854	-	404,487,000	634,428,854
Giảm khác	2,871,714,755	1,097,355,601	-	-	3,969,070,356
Số dư cuối năm	49,862,650,831	33,037,304,103	105,600,000	8,027,896,214	91,033,451,148
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7,766,338,306	5,424,188,730	-	4,340,865,666	17,531,392,702
Khấu hao trong năm	1,452,050,437	3,015,860,327	15,752,006	693,271,765	5,176,934,535
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BDS	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	124,489,330	-	230,167,247	354,656,577
Giảm khác	1,777,653,343	840,899,548	-	-	2,618,552,891
Số dư cuối năm	7,440,735,400	7,474,660,179	15,752,006	4,803,970,184	19,735,117,769
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	42,895,495,097	3,550,552,026	-	3,929,412,548	50,375,459,671
Số dư cuối năm	42,421,915,431	25,562,643,924	89,847,994	3,223,926,030	71,298,333,379

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.009.938.846 VND.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Số dư đầu năm	83,918,356,513	83,918,356,513
Số dư cuối năm	83,918,356,513	83,918,356,513
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	83,918,356,513	83,918,356,513
Số dư cuối năm	83,918,356,513	83,918,356,513

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

31/12/2012

01/01/2012

Bao gồm các công trình		
- Nhà máy tiêu bột - Gia Lai	1,970,280,160	1,970,280,160
- Nhà 78A Nguyễn Văn Trỗi	10,765,011,038	10,765,011,038
- Công trình 131 Trần Huy Liệu	-	27.125.582.261
- Công trình 149-151 Nguyễn Văn Trỗi	-	26.601.723.485
- Công trình 157 Phan Đăng Lưu	178,035,920	178,035,920
- Công trình Hiệp Phước 1(*)	31,050,869,005	24,479,592,978
- Công trình Hiệp Phước 2(*)	20,054,202,934	8.606.771.190
- Kho 34 Xa Lộ Hà Nội	20,870,000	20.870.000
- Công trình KCN Đất Cuốc	155,454,545	155,454,545
<b>Công</b>	<b>64,194,723,602</b>	<b>99,903,321,577</b>

(\*) Giá trị hai công trình này được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn được trình bày tại phần thuyết minh số V.16 và số V.22 của thuyết minh này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư</b>	<b>Nhà cửa</b>	<b>Nhà và QSDD</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
ĐT XDCB h.thành	73,000,000,000	-	73,000,000,000
Số dư cuối năm	73,000,000,000	-	73,000,000,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	1,241,666,597	-	1,241,666,597
Số dư cuối năm	1,241,666,597	-	1,241,666,597
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	71,758,333,403	-	71,758,333,403

**Thuyết minh số liệu và các giải trình khác:**

\* Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.

**14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>		<b>01/01/2012</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
"Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh"				
- Cty CN Điện tử Phương Đông		2,836,057,820		1.500.000.000
		2,836,057,820		1.500.000.000
	<b>31/12/2011</b>		<b>01/01/2011</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
Đầu tư dài hạn khác	222,103	5,948,905,500		5,367,200,000
Đầu tư cổ phiếu	222,103	4,108,905,500		3,867,200,000
- NHTM CP BIDV Việt Nam (**)	222,103	4,108,905,500		-
- Khác				3,867,200,000
Đầu tư dài hạn khác		1,840,000,000		1,500,000,000
- Cty CP DV và xúc tiến TM Hiệp hội DN TP HCM		840,000,000		500,000,000
- Góp vốn cơ sở Thiên Phước		1,000,000,000		1,000,000,000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn</b>				
Cộng		8,784,963,320		6,867,200,000

**15. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>11,561,498,749</b>	<b>11,681,498,749</b>
Phi quảng cáo sân bóng Phú Nhuận	360,000,000	480,000,000
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước	6,228,391,381	6,228,391,381
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuốc	4,973,107,368	4,973,107,368
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>72,000,000</b>	<b>60,000,000</b>
Ký quỹ ký cược dài hạn	72,000,000	60,000,000
<b>Cộng</b>	<b>11,633,498,749</b>	<b>11,741,498,749</b>

<b>16. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>197,424,276,696</b>	<b>137,166,378,976</b>
- Vay ngân hàng	197,424,276,696	137,156,378,976
- Vay cá nhân		10,000,000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		<b>1.666.680.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>197,424,276,696</b>	<b>138,833,058.976</b>
(*) Khoản vay ngắn hạn chi tiết như sau:		
- Vay bằng VND:	<b>100,466,296,268</b>	<b>10,000,000</b>
+ Ngân hàng DT và PT Việt Nam - CN HCM (*)	41,430,004,220	
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây (**)	59,036,292,048	
+ Vay huy động cá nhân		10,000,000
- Vay bằng USD	<b>96,957,980,428</b>	<b>137,156,378,976</b>
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây (**)	4,529,544,000	70,779,334,184
# USD	218,000,00	3,398,278,00
+ Ngân hàng DT và PT Việt Nam - CN HCM (*)	92,428,436,428	66,377,044,792
# USD	4,437,701,00	3,186,914,00

**Thuyết minh các khoản vay ngắn hạn**

(\*) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
02/2012/HĐ TD-955777	Từ ngày nhận nợ 05/09/2012 đến ngày 30/06/2013	Theo từng lần nhận nợ	133,858,440,648	Nhận thẻ chấp bút sang bằng các tài sản hiện đang đảm bảo cho các khoản vay trung dài hạn tại VCB

(\*\*) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
180B12 ngày 16/08/2012	Từ ngày nhận nợ lần đầu đến ngày 16/08/2013	Theo từng lần nhận nợ	63,565,836,048	Số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các TCTD khác

**17. Phải trả người bán**

Nhà cung cấp trong nước	4,167,935,116	8,056,115,260
Nhà cung cấp nước ngoài	312,565,796	4,429,074,200
<b>Cộng</b>	<b>4,480,500,912</b>	<b>12,485,189,460</b>

**18. Người mua trả tiền trước**

Khách hàng trong nước	74,253,549	372,112,235
Khách hàng nước ngoài	-	-
<b>Cộng</b>	<b>74,253,549</b>	<b>372,112,235</b>

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng	516,030,572	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	249,231	771,307
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.501.495.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17,905,026,946	11.245.691.814
Thuế thu nhập cá nhân	9,877,631	-
<b>Cộng</b>	<b>18,431,184,380</b>	<b>12.747.958.438</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**20. Chi phí phải trả**

	31/12/2012	01/01/2012
Trích trước phí bảo hành sản phẩm	17,400,000,000	12,713,360,000
Trích trước phí quảng cáo	730,000,000	20,441,571
Trích trước chi phí xây dựng	6,582,136,812	-
Trích trước tiền điện kinh doanh	233,221,277	-
<b>Cộng</b>	<b>24,945,358,089</b>	<b>12,733,801,571</b>

**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
Bảo hiểm xã hội	-	40,588,080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24,000,000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	226,141,867	292,760,086
<b>Cộng</b>	<b>250,141,867</b>	<b>333,348,166</b>

**22. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
Vay dài hạn	37,403,340,895	63,750,122,505
Vay ngân hàng	37,403,340,895	63,750,122,505
Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>37,403,340,895</b>	<b>63,750,122,505</b>

**Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN HCM gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
062 C10	14/10/2010	120 tháng	14%	Thẻ chấp lô đất diện tích 6.072 m <sup>2</sup> và tài sản hình thành từ vốn vay tại lô đất A10A, KCN Hiệp Phước
032 C11	29/6/2011	72 tháng	14%	Thẻ chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản trên đất hình thành trong tương lai tại lô số A8b, KCN Hiệp Phước

**23. Vốn chủ sở hữu**

- a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (xem trang 47)  
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2012	01/01/2012
Vốn góp của Nhà nước	0%		-
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	100%	150,000,000,000	150,000,000,000
- Nguyễn Xuân Hân	10%	15,030,080,000	14,760,080,000
- Trịnh Ngọc Minh	9%	13,696,730,000	13,426,730,000
- Trương Thị Thanh Tâm	4%	5,885,390,000	5,885,390,000
- Lê Thiện Hưng	5%	6,879,390,000	6,879,390,000
- Đỗ Hướng Dương	4%	5,770,390,000	5,495,390,000
- Trần Thị Lụa	4%	5,365,170,000	5,365,170,000
- Nguyễn Tân Phi Khanh	2%	3,340,390,000	3,340,390,000
- Các cổ đông khác	63%	94,032,460,000	94,847,460,000
Cổ phiếu quỹ			
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>150,000,000,000</b>	<b>150,000,000,000</b>

\* Số lượng cổ phiếu quỹ

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	51,000,000,000	30,000,000,000
<b>d. Cổ tức</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ	chưa công bố	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	chưa công bố	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa ghi nhận	-	-
<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
Quỹ đầu tư phát triển	36,057,672,440	20,168,625,245
Quỹ dự phòng tài chính	11,409,319,144	7,609,319,144
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu	2,526,353,100	2,196,702,100
<b>Cộng</b>	<b>49,993,344,684</b>	<b>29,974,646,489</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chi tiêu sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD

<b>24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Doanh thu bán thành phẩm	1,025,422,426,552	1,316,647,868,736
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18,250,613,622	15,148,129,036
<b>Cộng</b>	<b>1,043,673,040,174</b>	<b>1,331,795,997,772</b>
<b>25. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Chiết khấu thương mại	58,859,052	-
Hàng bán bị trả lại	14,703,340	18,360,049
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3,919,615	10,435,387
<b>Cộng</b>	<b>77,482,007</b>	<b>28,795,436</b>
<b>26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	1,025,344,944,545	1,316,619,073,300
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	18,250,613,622	15,148,129,036
<b>Cộng</b>	<b>1,043,595,558,167</b>	<b>1,331,767,202,336</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**27. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn thành phẩm đã bán và hàng hóa	873,354,468,905	1,136,847,429,592
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	13,399,228,271	10,201,471,867
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19,715,000,000)	(12,857,499,670)
<b>Cộng</b>	<b>867,038,697,176</b>	<b>1.134.191.401.789</b>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi	13,456,896,736	4.514.027.063
Lãi đầu tư trái phiếu	-	18.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	375,000,000	705.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102,543,992	2.744.625.106
Doanh thu hoạt động tài chính khác	874,600,466	150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14,809,041,194</b>	<b>8.131.652.169</b>

**29. Chi phí tài chính**

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền vay	20,775,558,276	12,788,129,202
Chiết khấu thanh toán	-	88.985.528
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,002,225,461	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13,711,080,257
Chi phí tài chính khác	150,201,153	-
<b>Cộng</b>	<b>21.927.984.890</b>	<b>26,588,194,987</b>

**30. Thu nhập khác**

	Năm 2012	Năm 2011
Thanh lý tài sản cố định	292,272,727	403,836,365
Bán phế liệu	367,403,454	-
Bán tiêu phế phẩm	380,952,381	301,222,857
Hoàn nhập chi phí bảo hành	4,532,309,853	-
Hoàn nhập quỹ trợ cấp thôi việc	680,371,259	-
Khoán nộp kinh doanh Karaoke của CLB Ngôi Sao	150,000,000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	185,900,000	-
Thu hồi nợ khó đòi	-	10,000,000
Khác	213,807,106	73,225,989
<b>Cộng</b>	<b>6,803,016,780</b>	<b>788,285,211</b>

**31. Chi phí khác**

	Năm 2012	Năm 2011
Thanh lý tài sản cố định	279,772,277	338,145,996
Khác	78,516,288	-
<b>Cộng</b>	<b>358,288,565</b>	<b>338,145,996</b>

**32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105,595,631,871	95.611.520.706
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1,715,251,622)	194.393.575
- Các khoản điều chỉnh tăng	266,347,046	899.393.575
Tài trợ cho đội bóng chuyền Long An	-	300.000.000
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	599.393.575
Truy thu và phạt về thuế	122,390,046	-
Chi phí khác loại trừ	143,957,000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1,981,598,668)	(705.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(375,000,000)	(705.000.000)
Hoàn nhập khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại năm 2011	(599,393,575)	-
Lợi nhuận sau thuế từ Công ty liên kết, liên doanh	(1,007,205,093)	-

<b>3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành ( 1+2)</b>	<b>103.880.380.249</b>	<b>95.805.914.281</b>
Trong đó		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	101.619.826.989	95.718.227.810
Thu nhập khác	2.260.553.260	87.686.471
Thuế suất thuế TNDN		
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	25%	20%
Thu nhập khác	25%	25%
<b>4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>25.970.095.062</b>	<b>19.165.567.180</b>
Thu nhập hoạt động kinh doanh chính	25.404.956.747	119.143.645.562
Thu nhập khác	565.138.315	21.921.61
<b>5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay</b>	-	-
<b>6. Thuế TNDN được giảm 30%</b>	<b>(7.621.487.024)</b>	<b>(5.749.670.154)</b>
<i>(Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2012)</i>		
<b>7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</b>	<b>18.348.608.038</b>	<b>13.415.897.026</b>
<b>33. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ:</b>		
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:		
Lợi nhuận sau thuế từ báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ	85.415.980.025	
Lợi nhuận sau thuế của Cty TNHH KS Hoa Mai Vàng phân bổ cho Công ty Mẹ	221.772.343	
Lợi nhuận sau thuế của Cty TNHH TM ĐT Arirang phân bổ cho Công ty Mẹ	361.239.823	
Lợi nhuận sau thuế của Cty liên doanh liên kết phân bổ cho Công ty Mẹ	1.007.205.093	
<b>Cộng</b>	<b>87.006.197.284</b>	
<b>34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	87.006.197.284	82.195.623.680
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	87.006.197.284	82.195.623.680
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.800	5.480

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm (phai thu+/- phai trả-)
Cty CN Điện tử Phương Đông	Công ty liên kết	Cty Maseco bán hang hóa	8.661.381.300	1.824.594.544
		Cty Maseco mua hang hóa	40.325.706.300	(984.654.300)

3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. HCM, ngày 25 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Trần Thị Lụa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Hân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**23. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn còn phản	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Công phí	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	124,742,000,000	(3,072,858,274)	15,450,009,769	5,073,319,144	1,761,990,100	30,304,615,476	324,259,076,215
- Tăng vốn trong năm nay								
- Lãi trong năm		3,072,858,274					82,195,623,680	82,195,623,680
- Tăng khác							3,072,858,274	3,072,858,274
- Trích lập quỹ								
- Sử dụng quỹ		4,718,615,476		2,536,000,000		1,700,000,000	(17,054,615,476)	(8,100,000,000)
- Chia cổ tức 2010							(1,265,288,000)	(1,265,288,000)
- Tạm ứng cổ tức 2011							(13,250,000,000)	(13,250,000,000)
Số dư cuối năm trước	150,000,000,000	124,742,000,000		20,168,625,245	7,609,319,144	2,196,702,100	52,195,623,680	356,912,270,169
Số dư đầu năm nay	150,000,000,000	124,742,000,000		20,168,625,245	7,609,319,144	2,196,702,100	52,195,623,680	356,912,270,169
- Tăng vốn trong năm							87,006,197,284	87,006,197,284
- Lãi trong năm							328,852,727	328,852,727
- Tăng khác							5,743,093,669	5,743,093,669
- Trích lập quỹ từ giảm 30% thuế TNDN năm 2011								
- Trích lập quỹ								
- Giảm khác								
- Sử dụng quỹ								
- Chia cổ tức 2011								
- Tạm ứng cổ tức 2012								
Số dư cuối năm nay	150,000,000,000	124,742,000,000		36,057,672,440	11,409,319,144	2,526,353,100	57,335,050,011	382,070,394,695

## PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU



Sản phẩm điện tử được đầu tư phát triển mạnh, nhiều dòng sản phẩm công nghệ mới, kỹ thuật cao đã được đưa ra thị trường. Thương hiệu sản phẩm Arirang ngày càng được khách hàng tín nhiệm, khẳng định uy tín, thế mạnh của Maseco đối với hệ thống phân phối và người tiêu dùng. Công ty tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu bằng nhiều hình thức sinh động như: Tham gia, tài trợ các cuộc thi Karaoke của các ngành, các địa phương, tham gia chuỗi hội chợ “Hàng Việt Nam chất lượng cao”, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, chương trình “hàng Việt về nông thôn”, tài trợ các hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng nông thôn mới... Được người tiêu dùng bình chọn là “Thương hiệu nổi tiếng” và “Hàng Việt Nam chất lượng cao” trong nhiều năm liên tiếp.

- Nhằm góp phần cung cấp phong trào bóng chuyền thành phố và tăng khả năng quảng bá sản phẩm, trong 2 năm qua, công ty nhận làm nhà tài trợ chính cho đội bóng chuyền nam thành phố thi đấu tại giải vô địch quốc gia, kinh phí mỗi năm trên 4,5 tỷ đồng. Năm 2012 đội đã thi đấu khá tốt, đứng hạng 5 trong tổng số 12 đội mạnh nhất của quốc gia.

Hoạt động của đội bóng chuyền MASECO-TPHCM cũng đã mang lại nhiều hình ảnh đẹp cho việc quảng bá tên tuổi của công ty.





Hoạt động xã hội, từ thiện được tiếp tục duy trì. Năm 2012 đã đóng góp cho quỹ vì người nghèo, hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, các cơ sở nuôi dưỡng người già neo đơn, trẻ em mồ côi, khuyết tật, bệnh nhân nghèo, cứu trợ thiên tai, bão lụt... với tổng số tiền đã đóng góp cho hoạt động xã hội từ thiện trên 2,5 tỷ đồng.







# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN



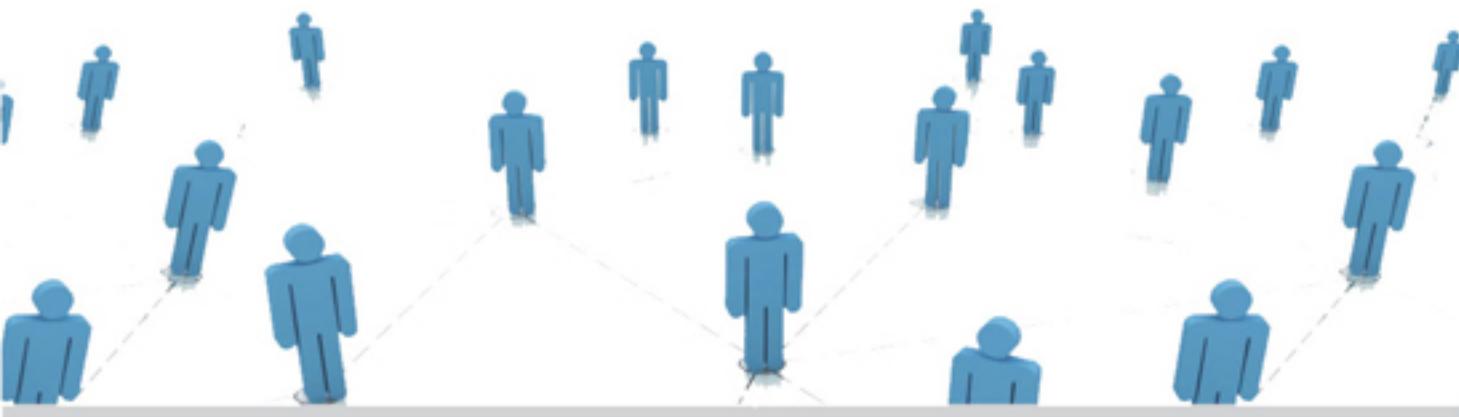


### Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2012 là 169 người,  
Cơ cấu lao động của Công ty thể hiện như sau:

Phân theo trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ
- Đại học và trên đại học	40 người	23,67%
- Cao đẳng, trung cấp	71 người	42,01%
- Lao động có tay nghề	11 người	6,51%
- Lao động phổ thông	47 người	27,81%
Phân theo nhóm nhiệm vụ công việc	Số lượng	Tỷ lệ
- Lao động quản lý và bán hàng	46 người	27,22%
- Chuyên viên kỹ thuật	73 người	43,20%
- Công nhân lao động phổ thông	50 người	29,58%
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	Số lượng	Tỷ lệ
- HĐLD không xác định thời hạn	25 người	14,79%
- HĐLD có xác định thời hạn	142 người	84,02%
- HĐLD thời vụ, khoán việc	02 người	1,19%





## Chính sách đối với người lao động

Trong tình hình khó khăn chung, để hỗ trợ giúp cho người lao động giảm bớt khó khăn công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp hỗ trợ như tăng mức lương tối thiểu của doanh nghiệp, bảo đảm thu nhập bình quân 6,9 triệu đồng/người/tháng, hỗ trợ tiền ăn trưa 25.000đồng/người/ngày, hỗ trợ tiền thuê nhà và tiền tàu xe về quê thăm gia đình trong dịp tết nguyên đán. Các chế độ tiền thưởng, phúc lợi tập thể, bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp đều được công ty thực hiện đúng quy định. Ngoài ra công ty còn quan tâm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp học bổng cho con em CBNV và trợ cấp đột xuất cho các trường hợp khó khăn.

Công tác bảo hộ cũng được Công ty quan tâm thực hiện đầy đủ, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và cảnh quan nơi làm việc, qua đó đã được công nhận đơn vị văn hóa nhiều năm liền.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

2012

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN



## ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Công ty tiếp tục thực hiện định hướng sản xuất kinh doanh các lĩnh vực có thế mạnh là "Thương mại – Xuất nhập khẩu – Sản xuất và Dịch vụ", trong đó lĩnh vực sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử và xuất khẩu nông sản là ngành hàng quan trọng, đẩy nhanh hoàn thiện khai thác các cơ sở vật chất đã đầu tư, với các nhiệm vụ chủ yếu như sau

2012

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

### SẢN XUẤT KINH DOANH SẢN PHẨM ĐIỆN TỬ



Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để phát triển các chủng loại sản phẩm có nhiều tính năng mới thích hợp với nhu cầu sử dụng của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau với chất lượng ngày càng nâng cao, hình thức mẫu mã đẹp, hiện đại vừa phục vụ tốt người tiêu dùng, vừa tích cực chống hàng giả chống xâm phạm quyền bản quyền.

Đầu tư phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước bằng các biện pháp xây dựng các kênh phân phối hữu hiệu, hệ thống mạng lưới bảo hành mạnh, rộng rãi tiện lợi cho người tiêu dùng khi sử dụng sản phẩm Arirang. Tiếp tục ứng dụng tiến bộ công nghệ thông tin, khai thác có hiệu quả các dịch vụ truyền thông đa phương tiện để tăng hiệu quả quảng cáo tiếp thị, tăng tiện ích và hiệu quả kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN



## KINH DOANH NÔNG SẢN XUẤT KHẨU

Nghiên cứu các hình thức thích hợp để duy trì thu mua, chế biến xuất khẩu 2 mặt hàng cà phê nhân và hồ tiêu. Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm tiêu bột, tiêu xay thành phẩm, từng bước tăng thêm sản phẩm gia vị, đồng thời đẩy mạnh quảng cáo tiếp thị phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong tình hình giá xuất khẩu đang có lợi cho người sản xuất, nhưng cũng ẩn chứa những biến động bất ngờ, do đó quá trình kinh doanh cần thận trọng nhạy bén đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và hạn chế rủi ro.

## KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Đẩy mạnh khai thác kinh doanh cao ốc văn phòng. Trong tình hình thị trường văn phòng cho thuê đang gặp khó khăn, công ty tìm chọn các hình thức khai thác đảm bảo hiệu quả nhất. Tích cực lựa chọn các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của khách sạn Hoa Mai theo hướng chuyển đổi phương thức kinh doanh tăng tính chủ động, sáng tạo, đảm bảo được hiệu quả cho Công ty.

## CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH KHÁC

Trong quá trình hoạt động, công ty kết hợp sử dụng các lợi thế hiện có để tham gia các lĩnh vực kinh doanh mới, các dự án tốt có thể đem lại hiệu quả cho công ty.

## CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ NĂM 2013

<b>Tổng doanh thu</b>	<b>:</b>	<b>1.200 tỷ</b>
<b>Kim ngạch XK</b>	<b>:</b>	<b>20 triệu USD</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>:</b>	<b>90tỷ</b>
<b>Chia cổ tức</b>	<b>:</b>	<b>25 %</b>

Dự kiến tổng doanh thu năm 2013 tăng 15% so với năm 2012. Trong quá trình thực hiện, khi có cơ hội công ty sẽ nhanh chóng nắm bắt tổ chức kinh doanh tăng quy mô hoạt động. Lợi nhuận trước thuế phấn đấu đạt 90 tỷ đồng bằng 85% năm 2012 do dự báo các chi phí đầu vào sẽ tăng, tỷ lệ lãi gộp ngành điện tử giảm và có bổ sung nguồn thu từ hoạt động cho thuê văn phòng. Trong tình hình thị trường cạnh tranh ngày càng quyết liệt, công ty cần tăng thêm kinh phí cho hoạt động quảng cáo, tiếp thị xây dựng thương hiệu và đầu tư công nghệ để phát triển sản phẩm mới. Do đó mức lợi nhuận dự kiến nêu trên là sự cố gắng lớn, tuy nhiên công ty sẽ luôn cố gắng để đạt được hiệu quả cao nhất khi có cơ hội.

Dự kiến cổ tức năm 2013 thấp nhất là 25%.

### CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

#### Về vốn, tài chính:

Quản lý tốt việc sử dụng các nguồn vốn của công ty, đảm bảo nguyên tắc an toàn và hiệu quả. Cân nhắc lựa chọn linh hoạt việc sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn tín dụng trong mọi hoạt động kinh doanh để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Rà soát lại các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà chưa triển khai để điều chỉnh phù hợp với tình hình mới và mang tính khả thi, hiệu quả kinh tế.
- Duy trì quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.
- Chuẩn bị các phương án khai thác và thu hồi vốn tại các dự án đã đầu tư, để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư mới.
- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận tiếp tục thực hiện phương án tăng thêm 50 tỷ đồng vốn điều lệ để bổ sung vốn kinh doanh, đưa tổng vốn điều lệ công ty lên 200 tỷ đồng vào năm 2013-2014. Đồng thời tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

#### Xây dựng thương hiệu, bảo đảm chất lượng sản phẩm:

Tổ chức bộ máy chuyên trách quản lý và phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa của công ty.

- Xây dựng các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về phát triển thương hiệu, xây dựng các kế hoạch tiếp thị riêng cho từng loại sản phẩm hàng hóa.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng cáo tiếp thị bằng những hình thức đa dạng phù hợp với từng thị trường và đối tượng tiêu dùng khác nhau.



Ứng dụng công nghệ thông tin tăng hiệu quả khai thác, từng bước tiếp cận thương mại điện tử và dịch vụ mạng. Tôn tạo và xây dựng hình ảnh công ty thông qua các phương thức tiếp cận như cửa hàng, showroom hoặc website...

- Tập trung nghiên cứu các biện pháp chống hàng giả, hàng nhái để bảo vệ thương hiệu và lợi ích người tiêu dùng. Liên hệ và phối hợp với các cơ quan chức năng quản lý nhà nước để chống các hành vi sao chép, xâm phạm bản quyền tác giả, bản quyền sở hữu công nghiệp.

### **Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Hoàn tất thủ tục đăng bộ và quyết toán các dự án đã hoàn thành.

Hoàn tất xây dựng nhà máy điện tử Hiệp Phước 2 trong quý III/2013.

Xem xét và điều chỉnh dự án đầu tư tại mặt bằng số 157 Phan Đăng Lưu phù hợp với tình hình thực tế và có hiệu quả.

### **Kiện toàn tổ chức bộ máy:**

Tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án điều chỉnh hình thức hoạt động của các chi nhánh hiện nay theo hướng chuyển đổi thành công ty TNHH, công ty cổ phần để tăng tính chủ động, trách nhiệm trong kinh doanh.

Sắp xếp bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp, tăng cường nhân lực các phòng chức năng đủ mạnh để làm tốt công tác quản lý và tham mưu cho lãnh đạo công ty, đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật về tổ chức bộ máy của công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

### **Nâng cao năng lực quản lý điều hành:**

Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp bộ máy quản lý điều hành doanh nghiệp, tăng cường nhân lực cho các bộ phận tham mưu và các đơn vị kinh doanh.

- Hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, đảm bảo chất lượng thông tin chính xác, kịp thời.
- Ứng dụng các quy trình quản lý mới tiên tiến và công nghệ thông tin để nâng cao năng lực quản lý và điều hành công ty.
- Nghiên cứu, lựa chọn các hình thức đầu tư liên kết để mở rộng phát triển các lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và điều kiện của công ty.

Money



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

A blue-toned abstract background featuring a 3D bar chart with several bars of varying heights, some labeled with values like 1.450, 1.600, and 1.850. A large globe is positioned in the center, partially obscured by the bars. The overall theme is corporate finance or global business.

1.850

1.600

1.450

# THÔNG TIN CỔ ĐÔNG THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

2012/

MASECO BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NHUẬN



# TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

Của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2012

TT	Họ tên	Chức vụ	SLCP	Tỷ lệ
1	Nguyễn Xuân Hân	Chủ tịch HĐQT-Tổng Giám đốc	1.503.008	10,02%
2	Đỗ Hướng Dương	P.Chủ tịch thường trực HĐQT-Phó TGĐ	577.039	3,85%
3	Trương Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	588.539	3,92%
4	Trịnh Ngọc Minh	Thành viên HĐQT-Phó TGĐ	1.369.673	9,13%
5	Lê Thiện Hưng	Thành viên HĐQT	687.939	4,59%
6	Nguyễn Tấn Phi Khanh	Thành viên HĐQT	334.039	2,23%
7	Trần Thị Lụa	Thành viên HĐQT-Kế toán trưởng	536.517	3,57%
8	Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm soát	140.379	0,94%
9	Nguyễn Việt Trung	Thành viên BKS	10.000	0,06%
10	Đặng Văn Tuấn	Thành viên BKS	40.000	0,26%

## Cơ cấu cổ đông (Thời điểm 31/12/2012)

Π	Phân loại cổ đông	Khối lượng	Tỷ lệ	SL cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	HĐQT, BGĐ, BKS,KTT	5.705.633	38,04%	10	-	10
3	Cổ đông trong nước	7.244.367	48,29%	272	6	266
4	Cổ đông nước ngoài	2.050.000	13,67%	3	3	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>285</b>	<b>9</b>	<b>276</b>

## Danh sách cổ đông

Nội dung	SLCĐ	Khối lượng	Tỷ lệ
Cổ đông lâm nắm giữ trên 5% số cổ phần có quyền biểu quyết	05	5.967.841	39,79%
Trong đó:			
- Trong nước	03	3.967.841	26,45%
- Nước ngoài	02	2.000.000	13,34%
Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phần có quyền biểu quyết	262	9.032.159	60,21%
Trong đó:			
- Trong nước	261	8.982.159	59,88%
- Nước ngoài	01	50.000	0,33%





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN  
PHU NHUAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8  
Quận Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (84-8) 3844 4861

Fax: (84-8) 3844 3264

Website: [www.maseco.com.vn](http://www.maseco.com.vn)

Email: [maseco@maseco.com.vn](mailto:maseco@maseco.com.vn)